TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ S** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33** /2018/DS-ST
Ngày: 03-8-2018
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Ông **Nguyễn Bé Mười**

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Nguyễn Văn Hai

2. Ông Nguyễn Văn Minh

- ***Thư ký phiên toà***: Ông **Phạm Hoàng Anh** - Thư ký TAND thành phố S

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên tòa***:

Ông **Lê Tiến Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố S,H tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn*:**

1. Bà Võ Thị Huỳnh H1, sinh năm 1964

2. Bà Võ Thị Huỳnh H2, sinh năm 1966

3. Ông Võ Thế H3, sinh năm 1967

4. Ông Võ Thế H4, sinh năm 1972

5. Bà Võ Thị Thanh H5, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: Khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

6. Bà Võ Thị Thanh H6, sinh năm 1970

Địa chỉ: Đường P, Phường X, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của: bà Võ Thị Huỳnh H2, bà Võ Thị Thanh H5, bà Võ Thị Thanh H6, ông Võ Thế H3, ông Võ Thế H4: Bà Võ Thị Huỳnh H1.

***- Bị đơn*: Ông Võ Thế Đ**, sinh năm 1948

Địa chỉ: Khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

1. Bà Võ Thị Cúc A, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Đường N, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Đường V, Phường X, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Cúc A: Ông Võ Thế Đ.

2. Bà Lê Thị Thanh Đ1, Sinh năm 1949

Địa chỉ: Khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ủy ban nhân dân thành phố S

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban: Ông **Nguyễn Văn H** – Phó Chủ tịch Ủy ban.

4. Phòng Công chứng số X, tỉnh Đồng Tháp

Người đại diện theo ủy quyền của Phòng Công chứng:

Ông **Đỗ Công K**– Công chứng viên

Tại phiên tòa: Bà H1, ông Đ1 và bà Đ1 có mặt. Riêng ông H1 và ông K có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà Võ Thị Huỳnh H1 là nguyên đơn, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn (gồm bà Võ Thị Huỳnh H2, bà Võ Thị Thanh H5, bà Võ Thị Thanh H6, ông Võ Thế H3, ông Võ Thế H4) trình bày:

Cụ Võ Văn M, sinh năm 1916, chết ngày 13/10/2004 và cụ Phan Thị S, sinh năm 1919, chết ngày 15/11/2014 chung sống với nhau có tất cả 05 người con gồm:

1. Ông Võ Thế A, sinh năm 1943, chết ngày 12/9/2015;

2. Ông Võ Thế C, sinh năm 1946, chết ngày 15/6/2001, có vợ không con

3. Ông Võ Thế Đ, sinh năm 1948;

4. Ông Võ Thế L, sinh năm 1953, chết ngày 31/1/2004, không có vợ con;

5. Bà Võ Thị Cúc A, sinh năm 1960;

Ngoài ra, cụ M và cụ S không còn người con nào khác.

Đối với ông Võ Thế A (chết năm 2015) chung sống với bà Trần Thị V, sinh năm 1942, có tất cả 06 người con gồm:

1. Bà Võ Thị Huỳnh H1, sinh năm 1964;

2. Bà Võ Thị Huỳnh H2, sinh năm 1966;

3. Ông Võ Thế H3, sinh năm 1967;

4. Chị Võ Thị Khánh H4, sinh năm 1970;

5. Anh Võ Thế H5, sinh năm 1972;

6. Chị Võ Thị Thanh H6, sinh năm 1974

Ngoài ra, ông Avà bà V không còn người con nào khác.

Đối với ông Võ Thế C chết năm 2001 có vợ bà Vương Thị Đ2, không có con.

Trong vụ án này, bà Trần Thị V, bà Vương Thị Đ2 có đơn xin khước từ quyền thừa kế và xin từ chối tham gia tố tụng.

Lúc còn sống, cụ M và cụ S có tạo lập tài sản gồm:

1. Đất:

- Phần đất, thửa 443, diện tích 1.012m2 và thửa 444, diện tích 875m2, diện tích tổng cộng 1.887m2 cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp T, xã Q, Thị xã S (nay là khóm T, phường A, thành phố S) do cụ Phan Thị S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSD đất) vào ngày 24/8/1993. Đến năm 2003 UBND TX S thu hồi làm đường N gồm: thửa 444, diện tích: 92,3 m2, diện tích còn lại: 1794,7m2. Đến 2006 tiếp tục thu hồi làm đường N gồm: thửa 444, diện tích: 346,06 m2, loại đất T, thửa 443, diện tích 582,34 m2, diện tích còn lại: 866,3m2. Do đó, phần đất của cụ S hiện nay còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: thửa 443 diện tích: 429,66m2 và thửa 444, diện tích: 436,64m2, cùng tờ bản đồ 01,loại đất T. Tổng cộng diện tích còn lại: 866,3m2.

- Phần đất thửa 445, diện tích 514,8m2 chưa được cấp quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng T. Phần đất này có nguồn gốc là của bà Lê Thị N, trước năm 1975 bà N giao cho cụ M quản lý, chăm sóc mồ mả cho gia tộc bà N và quản lý sử dụng diện tích khoảng 2.000m2, cụ M quản lý sử dụng cho đến năm 1997 bà Ncó khởi kiện đòi lại phần đất trên, qua thỏa thuận hai bên thì cụ M có giao trả một

phần đất mồ mã cho bà N, phần còn lại cụ M quản lý sử dụng (theo quyết định công nhận hòa giải thành số 112/QĐHGT ngày 27/9/1997).

Đến năm 1998, cụ M có cho bà H1 một phần đất ngang 7m, dài 20m, diện tích 140m2 trong phần đất thửa 445, diện tích qua đo đạc thực tế 514,8m2, khi cho cụ M và cụ S có ký tên vào đơn xin cất nhà của cha bà H1 là Võ Thế A (ông Anh làm đơn xin cất nhà cho bà H1) được UBND xã T xác nhận việc cụ M, cụ S cho đất bà H1. Bà H1 trình bày có đưa 02 lượng vàng 24k cho cụ M, cụ S để sửa chữa cất nhà, bà H1 đã cất nhà lợp tole, vách tole, nền xi măng và gạch bông trên phần đất ở cho đến nay. Phần đất này, bà H1 không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này bà H1 có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác. Phần đất còn lại của thửa 445 có diện tích 361,2m2 sau khi cụ M chết, ông Đ quản lý sử dụng.

2. Nhà:

Căn nhà tại số 539, trên thửa đất 443, nhà ngang khoảng 8m, dài khoảng 10m, máy lợp tole, tường gạch, nền gạch men và gạch tàu;

Hiện nay toàn bộ phần đất và căn nhà trên đất do ông Đ đang quản lý, sử dụng. Phần bà H1 chỉ sử dụng phần đất cụ M và cụ S cho cất nhà.

Đối với Tờ di chúc cụ Phan Thị S lập ngày 31/01/2007, cụ S để lại toàn bộ QSD đất thửa 443 và thửa 444, diện tích 866,3m2, cùng tờ bản đồ 01 và căn nhà gắn liền với đất thửa 443 cho ông Võ Thế Đời được thừa hưởng, được Phòng Công chứng số X tỉnh Đồng Tháp công chứng. Theo bà H1 Tờ di chúc trên là không hợp pháp do không đúng quy định pháp luật vì tài sản nhà và đất là của chung vợ chồng cụ M và cụ S nhưng cụ M đã chết trước cụ S nhưng chỉ có cụ S lập nên không hợp pháp. Do đó, tờ di chúc cụ Phan Thị S không có giá trị pháp luật.

Qua đo đạc thẩm định, phần đất tranh chấp cụ M và cụ S thể hiện: 10 Hình (H): từ H1- H10 với diện tích (DT) tổng cộng là:**1.299,6m2** gồm: H1 (DT: 120,4m2), H2 (DT: 120,4m2), H3 (DT: 120,4m2), H4 (DT: 153,6m2), H5 (DT: 121,7m2), H6 (DT: 121,7m2), H7 (DT: 121,7m2), H8 (DT: 139,9m2), H9 (DT: 139,9m2) và H10 (DT: 139,9m2), cụ thể:

- Thửa: 445, diện tích: 514,8m2 gồm: H1 (DT: 120,4m2), H2 (DT: 120,4m2), H3 (DT: 120,4m2), H4 (DT: 153,6m2).

- Thửa 444, diện tích: 365,1m2 gồm: H5 (DT: 121,7m2), H6 (DT: 121,7m2), H7 (DT: 121,7m2).

- Thửa 443, diện tích: 279,8m2 gồm: H9 (DT: 139,9m2) và H10 (DT: 139,9m2).

- Một phần Thửa 444 và một phần 443, diện tích: 139,9 m2 gồm: H8 (DT: 139,9m2),

Trong đó:

1. Phần đất được cấp quyền sử dụng đất thửa 443, thửa 444, diện tích 866,3m2, qua đo đạc thì diện tích thực tế là 784,8m2, ít hơn quyền sử dụng đất được cấp là 81,5m2. Thể hiện tại H5, H6, H7, H8, H9 và H10 (Thửa 444, diện tích 365,1m2 thuộc H5, H6, H7 và 01 phần H8; Thửa 443, diện tích 279,8m2 thuộc H9, H10 và 01 phần H8).

2. Phần đất chưa được cấp quyền sử dụng đất thửa 445 tờ bản đồ số 1 diện tích 514,8m2, thể hiện tại H1,H2,H3,H4. Tại H4 (DT: 153,6m2), có căn nhà của bà H1 đang quản lý, sử dụng. Nguồn gốc đất là bà H1 được cụ M và cụ S tặng cho phần đất diện tích 153,6m2 để xây dựng nhà ở. Vì vậy, khi chia thừa kế, bà H1 yêu cầu trừ ra phần diện tích 153,6m2 mà cụ M, cụ S đã cho riêng bà H1 nên diện tích còn lại: **361,2m2.**

Bà H1 xác định tờ di chúc của cụ M lập không hợp pháp nên toàn bộ di sản của cụ M và cụ S sẽ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Nay bà **Võ Thị Huỳnh H1** yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ M và cụ S cụ thể:

1. Về người được hưởng thừa kế: cụ M và cụ S có 05 người con nhưng 02 người chết, không có vợ con nên 03 người còn lại được hưởng thừa kế là: Võ Thế A (chết) nên các con của ông A được hưởng, Võ Thế Đ, Võ Thị Cúc A. Như vậy, việc chia thừa kế gồm 03 phần, mỗi phần bằng nhau.

2. Di sản chia thừa kế:

- Phần đất được cấp quyền sử dụng đất thửa 443, thửa 444 theo diện tích thực tế là 784,8m2 và phần đất chưa được cấp quyền sử dụng đất thửa 445 theo diện tích thực tế là 514,8m2, tổng cộng diện tích là **1.299,6m2** nhưng trừ lại 153,6m2 (Cụ M, cụ S cho bà H1) còn lại diện tích **1.146m2** chia thành 03 phần bằng nhau. Vậy mỗi phần diện tích là 382m2, cụ thể: ông Võ Thế A chết nên các con ông A là bà H1 và các đồng nguyên đơn 01 phần diện tích đất là 382m2; ông

Võ Thế Đ 01 phần diện tích đất là 382m2 và bà Võ Thị Cúc A diện tích đất là 382m2, cụ thể: Bà H1 yêu cầu nhận bằng diện tích đất được hưởng là 382m2.

- Về cách chia: cụ thể:

+ Phần bà H1: được nhận diện tích là 382m2 đất thể hiện tại H3, H5, H8, tổng diện tích 382m2.

Đối với phần diện tích 382m^2 được chia thì bà H1 không yêu cầu chia cụ thể cho các đồng nguyên đơn; giữa bà H1 và các đồng nguyên đơn sẽ tự thỏa thuận phân chia với nhau.

+ Phần ông Đ: được nhận diện tích là 382m2 đất thể hiện tại H1, H7 và H10.

+ Phần bà Cúc A: được nhận diện tích là 382m2 đất thể hiện tại thể hiện tại H2, H6 và H9.

Bà H1 đồng ý bồi thường các tài sản và cây trồng trên phần đất được nhận theo định giá cho ông Đ cụ thể:

- Căn nhà kho (tại H8) trị giá 45.294.480đ;
- 03 cây dừa (tại H5) giá trị 1.020.000đ
- 04 cây dừa (tại H8) giá trị 1.360.000đ.

Tổng cộng bà H1 đồng ý bồi thường cho ông Đ số tiền **47.674.000đ**.

Bà H1 được quyền sở hữu nhà kho và các cây trồng trên.

Trong trường hợp xác định di chúc có hiệu lực thì bà H1 yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất thửa 445, hiện chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất thể hiện tại H1, H2, H3 và H4, tổng diện tích 514,8m^2 nhưng phải trừ ra diện tích H4 là 153,6m^2 mà cụ M, bà Su đã tặng cho bà H1. Còn lại H1, H2 và H3 diện tích là 361,2m2 thì chia thừa kế theo pháp luật, chia 03 phần: Ông Thế A (chết, các con được hưởng), ông Đ, bà Cúc A, mỗi phần bằng nhau, diện tích 120,4m2. Vị trí đất chia do Tòa án quyết định. Tại phiên tòa bà H1 đồng ý nhận phần đất 120,4m2 tại vị trí H3. Trên phần đất thể hiện tại H3 có các ngôi mộ thì bà H1 quản lý, chăm sóc phần các mộ này.

Đối với căn nhà, tài sản khác và các cây trồng trên đất của cụ M và cụ S theo định giá thì bà H1 không yêu cầu chia thừa kế. Tại phiên tòa, bà H1 đồng ý giao cho ông Đ được quyền sở hữu tài sản trên đất là nhà, các cây trồng và các tài sản khác trên đất. Ngoài ra, bà H1 không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông Võ Thế Đ trình bày:

Ông Đ xác định: Cụ Võ Văn M, sinh năm 1916, chết năm 2004 và cụ Phan Thị S, sinh năm 1919, chết năm 2014 chung sống với nhau có tất cả 05 người con theo như bà H1 trình bày là đúng. Đối với tài sản cụ M và cụ S trước đây có chia cho ông Võ Thế A đất ruộng và đất nền nhà, đồng thời ông Đ đã cho tiền cho anh Thế H (con của ông Thế A) xong, còn lại phần đất thửa 443 và 444, cùng tờ bản đồ số 01 là cấp cho cá nhân bà Phan Thị S vì lúc cấp quyền sử dụng đất cụ M còn sống. Vì vậy, đến ngày 31/01/2007, cụ Phan Thị S lập Tờ di chúc được Phòng Công chứng số X tỉnh Đồng Tháp công chứng để lại toàn bộ QSD đất thửa 443 và thửa 444, diện tích 866,3m2, cùng tờ bản đồ số 01 và căn nhà gắn liền với đất thửa 443 cho ông Võ Thế Đ được thừa hưởng là hoàn toàn hợp pháp nên ông Đ yêu cầu được quyền sử dụng toàn bộ phần đất và sở hữu tài sản theo di chúc.

Ông Đ xác định không có thửa đất số 445, còn việc Ủy ban nhân dân thành phố S xác định thửa đất số 445 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Đ không biết. Ông Đ xác định thửa đất 445 thực tế là thửa đất 443. Đối với diện tích 866,3m2 là nằm trong thửa đất 443, 444, 445 (trước đây không có thửa 445 do Ủy ban xác định). Do đó, toàn bộ diện tích đất đo đạc thực tế 1.299,6m2 là nằm trong QSD đất của cụ M được cấp giấy thửa đất số 443, 444. Do đó, ông Đ xác định thửa 445 cụ S cũng đã tặng cho ông Đ được quyền thừa hưởng theo nội dung Tờ di chúc của cụ S.

Trên phần đất thửa 443 có căn nhà số 539 thể hiện tại H10 trên sơ đồ đo đạc ngày 07/7/2017 là căn nhà thờ đã có từ ba đời nay để thờ cúng ông bà, hiện ông Đ là người trực tiếp quản lý sử dụng nhà.

Ông Đ xác định: cụ M và cụ S không có cho bà H1 phần đất cất nhà ngang 7m và dài 20m, diện tích thực tế là 153,6m2 thuộc thửa 445 thể hiện tại H4 trên Sơ đồ đo đạc, giấy tờ là do bà H1 giả mạo, thực tế cụ M và cụ S không có ký, ông Đ không yêu cầu giám định. Phần đất bà H1 đang sử dụng cất nhà ở diện tích là 153,6m2 ông Đ không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này ông Đ có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Nay ông **Võ Thế Đ** không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Ông Đ yêu cầu được thừa hưởng toàn bộ tài sản: đất, nhà và cây trồng trên đất theo nội dung Tờ di chúc ngày ngày 31/01/2007 của cụ Phan Thị S

(bao gồm diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 866,3m2, diện tích thực tế là 1.299,6m2).

Trong trường hợp xác định di chúc có hiệu lực của thửa 443,444 còn thửa 445 trường hợp chia thừa kế phần đất hiện chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất thể hiện tại H1, H2, H3 và H4, tổng diện tích 514,8m^2 trừ lại diện tích H4 là 153,6m^2. Còn lại H1, H2 và H3 diện tích là 361,2m2 thì chia thừa kế theo pháp luật, chia 03 phần: Ông Thế A (chết, các con được hưởng), ông Đ, bà Cúc A, mỗi phần bằng nhau, diện tích 120,4m2. Tại phiên tòa, ông Đ đồng ý nhận phần đất 120,4m2 tại vị trí H2 và bà Cúc A nhận phần đất 120,4m2 tại vị trí H1 bà Cúc A đồng ý giao cho ông Đ sử dụng. Trên phần đất thể hiện tại H3 có các ngôi mộ thì bà H1 quản lý, chăm sóc các mộ này.

Ngoài ra, ông Đ không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan *bà Võ Thị Cúc A (ủy quyền ho ông Võ Thế Đ) và bà Lê Thị Thanh Đ1 trình bày*:

Bà Cúc A và bà Đ1 đồng ý theo ý kiến trình bày và yêu cầu của ông Đ. Ngoài ra, bà Cúc A và bà Đ1 không có yêu cầu gì khác. Đối với bà Cúc A1 xác định trường hợp chia thừa kế thì phần bà Cúc A được hưởng cho lại ông Đ để thờ cúng ông bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố S ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H có ý kiến như sau:

Ngày 24/8/1993, Ủy ban nhân dân thành phố S cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa 443 và thửa 444, cùng tờ bản đồ số 01 là cấp cho cá nhân bà Phan Thị S.

Phần đất tranh chấp thể hiện tại các hình H1, H2, H3 và H4 theo sơ đồ đo đạc ngày 07/7/2017 thuộc thửa 445, tờ bản đồ 01, mục đích sử dụng: T, chưa được cấp giấy chứng nhận là của ông Võ Văn M.

Qua đối chiếu giữa hai hệ thống bản đồ địa chính thì H5, H6, H7 thuộc một phần thửa 444, tờ bản đồ số 01; H8 có một phần thuộc thửa 444 và một phần thuộc thửa 443; H9 và H10 thuộc một phần thửa 443, tờ bản đồ số 01 đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà Phan Thị S.

Nguyên nhân diện tích đo đạc thực tế từ H5 đến H10 thiếu 81,5m2 so với diện tích cấp giấy chứng nhận QSD đất là do cụ S kê khai đăng ký không chính xác, khi cấp giấy không có đo đạc diện tích thực tế.

Ngoài ra, Ủy ban không có ý kiến gì thêm.

** **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Công chứng số X tỉnh Đồng Tháp ủy quyền cho ông Đỗ Công K có ý kiến***:

Ngày 31/01/2007, công chứng viên Đỗ Công K – thuộc Phòng Công chứng số X – tỉnh Đồng Tháp, có công chứng Tờ di chúc cho bà Phan Thị S, với nội dung sau khi bà S chết quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSD đất số B236994 do UBND thị xã S (nay là thành phố S) cấp ngày 24/8/1993 để lại cho ông Võ Thế Đ thừa hưởng. Sau khi kiểm tra hồ sơ lưu giữ tại Phòng Công chứng số X và đối chiếu với quy định của pháp luật, xác định công chứng viên Đỗ Công K, công chứng Tờ di chúc cho bà Phan Thị S để lại quyền thừa hưởng quyền sử dụng đất cho con là ông Võ Thế Đ đúng theo trình tự quy định pháp luật.

Vì vậy, Phòng Công chứng số X tỉnh Đồng Tháp yêu cầu giữ nguyên di chúc, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

** **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S phát biểu ý kiến***:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định.

- Về nội dung:

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, tại phiên tòa nhận thấy:

- Đối với việc bà H1 yêu cầu chia thừa kế phần đất thửa 443, thửa 444, nhận thấy: Theo đơn đăng ký quyền sử dụng ruộng đất ngày 22/10/1991 cụ S thể hiện nguồn gốc đất là của bà Tiêu Thị T mẹ bà S chết để lại và theo GCNQSDĐ cấp cho cụ S vào ngày 24/8/1993 là cấp cho cá nhân cụ S. Tại thời điểm đăng ký và GCNQSDĐ cụ M còn sống, từ khi cấp QSD đất cho đến nay bà S chưa cấp đổi, cụ S và cụ M chưa văn bản giấy tờ gì xác nhận phần đất này là tài sản chung của cụ M và cụ S. Do đó, bà H1 yêu cầu chia thừa kế phần đất thửa 443, thửa 444 là tài sản chung cụ M là không có cơ sở.

Ngày 31/01/2007 cụ S lập di chúc để lại toàn bộ thửa 443 và thửa 444, theo GCNQSD đất cho ông Võ Thế Đ được thửa hưởng. Tờ Di chúc được được Phòng Công chứng số X tỉnh Đồng Tháp công chứng nên di chúc hợp pháp theo điều 652 BLDS, do đó bà H1 yêu cầu chia thừa kế phần đất thửa 443 và thửa 444 diện tích

784.8m2 là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu bà H1.

- Đối với thửa 445 các đương sự thừa nhận là đất của cụ M, cụ S sử dụng ổn định lâu dài từ trước năm 1993 cho đến khi cụ S chết 2014. UBND thành phố S xác định thửa đất này chưa được cấp quyền sử dụng đất cho ai và cụ M và cụ S là người quản lý sử dụng từ trước năm 1993 cho đến nay. Đến khi cụ S chết có để lại di chúc nhưng trong di chúc không thể hiện việc định đoạt thửa đất 445. Do đó, thửa 445 là di sản của cụ M và cụ S được chia đều cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo quy định pháp luật nên bà H1 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bà H1.

- Theo các tài liệu xác định cụ M và cụ S có 05 người con . Về người được hưởng thừa kế :Võ Thế A (chết) nên các con của ông A được hưởng, Võ Thế Đ, Võ Thị Cúc A. Như vậy, việc chia thừa kế gồm 03 phần, mỗi phần bằng nhau được các đương sự thừa nhận căn cú khoản 2 điều 92 BLTTDS thì tình tiết này không phải chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà H1 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, chia 03 phần: Ông Thế A (chết, các con được hưởng), ông Đ, bà Cúc A, mỗi phần bằng nhau, diện tích 120,4m2 là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bà H1.

- Về phần đất diện tích H4 là 153,6m^2 bà H1 và ông Đ không có yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn bà Võ Thị Huỳnh H1 có mặt; bị đơn ông Võ Thế Đ có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Cúc A (ủy quyền cho ông Võ Thế Đ), bà Lê Thị Thanh Đ1 có mặt. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố S ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H và Phòng Công chứng số X, tỉnh Đồng Tháp ủy quyền cho ông Đỗ Công K vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Hvà ông K.

[2] Xét yêu cầu của bà Võ Thị Huỳnh H cùng các đồng nguyên đơn tranh chấp với bị đơn ông Võ Thế Đ về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Võ Văn M và cụ Phan Thị S chết để lại là quyền sử dụng đất, nhà thuộc thửa 443, quyền sử

dụng đất thuộc thửa 444, cùng tờ bản đồ số 01 do cụ Phan Thị S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSD đất) và thửa 445, chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, cùng tọa lạc tại khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Xét về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện: Cụ Võ Văn M, chết ngày 13/10/2004 và cụ Phan Thị S, chết ngày 15/11/2014, do vậy, thời điểm mở thừa kế của cụ M là ngày 13/10/2004 và thời điểm mở thừa kế của cụ S là ngày 15/11/2014. Căn cứ theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Xét về người thừa kế: Các nguyên đơn, bị đơn đều xác định: Cụ Võ Văn M và cụ Phan Thị S chung sống với nhau có 05 người con gồm: Võ Thế A, Võ Thế C, Võ Thế Đ, Võ Thế L, Võ Thị Cúc A. Do đó, tất cả những người con này đều được quyền thừa kế di sản của cụ M và cụ S. Tuy nhiên, ông Võ Thế C (có vợ bà Vương Thị Đ1 có đơn khước từ hưởng di sản) và ông Võ Thế L đã chết, không có vợ, con nên không có người thừa kế.

Riêng đối với ông Võ Thế A chung sống với bà Trần Thị V (có đơn khước từ hưởng di sản) có tất cả 06 người con gồm: Võ Thị Huỳnh H1, Võ Thị Huỳnh Hà2, Võ Thế H3,Võ Thị Khánh H4, Võ Thế H5, Võ Thị Thanh H6. Hiện nay, ông A đã chết đã phát sinh quan hệ thừa kế. Do đó, những người con của ông A là người thừa kế của ông A trong hàng thừa kế di sản của cụ M và cụ S chết để lại.

Các đương sự đã thừa nhận về hàng thừa kế thứ nhất theo Điều 651, Điều 652 Bộ luật dân sự nên căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này, theo đó cụ M và cụ S có 05 người con nhưng 02 người chết không có vợ con nên 03 người còn lại được hưởng thừa kế tài sản của cụ M và cụ S là: Võ Thế A (chết) các con của ông A được hưởng, Võ Thế Đ, Võ Thị Cúc A.

[4] Xét về di sản thừa kế:

Các nguyên đơn, bị đơn đều xác định: Cụ Võ Văn Mvà cụ Phan Thị S tạo lập tài sản và sau khi chết để lại tài sản đất và nhà gắn liền với đất gồm:

- Phần đất được cấp quyền sử dụng đất thửa 443, thửa 444, sau khi nhà nước làm đường N thì diện tích còn lại là 866,3m3. Qua đo đạc diện tích thực tế là 784,8m2.

- Phần đất chưa được cấp quyền sử dụng đất thửa 445 qua đo đạc diện tích thực tế là 514,8m. Bà H1, ông Đ thống nhất trừ lại diện tích 153,6m2 (bà H1 cất nhà ở) không tranh chấp, còn lại 361,2m2.

Vậy tổng cộng diện tích đất tranh chấp: thuộc thửa 443, thửa 444 và thửa 445 là diện tích **1.146m2** (784,8m2+ 361,2m2), phần đất này đã được các đương sự thừa nhận của cụ M và cụ S, do đó tình tiết này không phải chứng minh về tài sản tranh chấp.

[5] Xét về nguồn gốc phần đất tranh chấp thừa kế:

- Phần đất thửa 443 và thửa 444, diện tích còn lại là 866,3m3, diện tích thực tế là 784,8m2 tọa lạc tại ấp T, xã Q, thị xã S (nay là khóm T, phường A, thành phố S có nguồn gốc là của cụ Tiêu Thị T (mẹ của cụ Võ Văn M) để lại cho con trước năm 1975, sau đó cụ M và cụ S quản lý sử dụng. Đến năm 1991 cụ S có đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất ngày 22/10/1991 và đến năm 1993 cụ Phan Thị S được cấp giấy chứng nhận QSD đất vào ngày 24/8/1993. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận đến thời điểm cụ M còn sống, không ai tranh chấp. Qua thu thập tài liệu chứng cứ xác định giấy chứng nhận QSD đất thửa 443 và thửa 444 cấp cho cá nhân cụ S là đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

- Đối với phần đất thửa 445, diện tích 514,8m2 chưa được cấp quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng T, có nguồn gốc đất là của bà Lê Thị N (chết), trước năm 1975 bà N giao cho cụ M quản lý, chăm sóc mồ mả cho gia tộc bà N, cụ M quản lý sử dụng cho đến năm 1997, bà N có khởi kiện đòi lại phần đất trên, qua thỏa thuận giữa hai bên thì cụ M có giao trả một phần đất mồ mã cho bà N, phần còn lại cụ M quản lý sử dụng. Bà H1 và ông Đ cũng thừa nhận đất của cụ M và cụ S. Qua thu thập chứng cứ đã xác định phần đất thửa 445 là thuộc quyền quản lý, sử dụng của cụ M và cụ S. Hai bên chỉ tranh chấp diện tích còn lại 361,2 m2 thửa 445 (đã trừ lại diện tích 153,6m2 nhà ở của bà H1).

Từ nhận định trên, xác định :

- Phần đất thửa 443 và thửa 444 diện tích còn lại là 866,3m3, diện tích thực tế là 784,8m2 là tài sản riêng của cụ Phan Thị S.

- Phần đất thửa 445, diện tích còn lại 361,2m2 là tài sản chung của cụ M và cụ S.

[9] Xét về nội dung và tính hợp pháp của Di chúc: Ngày 31/01/2007, cụ Phan Thị S lập Tờ di chúc với nội dung để lại toàn bộ phần đất: thửa 443 và thửa 444, diện tích 866,3m2, cùng tờ bản đồ số 01 do cụ Phan Thị S đứng tên giấy chứng nhận QSD đất và căn nhà gắn liền với đất thửa 443 cho ông Võ Thế Đ được thừa hưởng. Tờ Di chúc được được Phòng Công chứng số X tỉnh Đồng Tháp công chứng khi cụ S còn minh mẫn, sáng suốt. Đồng thời, việc cụ Phan Thị S lập Di chúc và định đoạt tài sản là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo nguyện vọng của cụ S và việc công chứng Di chúc đúng theo trình tự luật định.

Tại khoản 1 Điều 630 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

"*1. Di chúc được coi là hợp pháp phải có đủ các điều kiện sau đây:*

a) Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép;

b) Nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật...".

Như vậy, về hình thức căn cứ theo quy định trên thì Di chúc của cụ S được xác định là hợp pháp. Về nội dung Di chúc, phần tài sản được định đoạt trong Di chúc, cụ S di chúc tài sản là phần đất theo giấy chứng nhận QSD đất số B236994 do UBND thị xã S (nay là thành phố S) cấp ngày 24/8/1993. Hội đồng xét xử xét thấy: Qua thu thập tài liệu chứng cứ xác định phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cá nhân bà Phan Thị S (không cấp cho hộ). Do đó cụ S làm di chúc không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Phía nguyên đơn cho rằng, Tờ di chúc trên là không hợp pháp do không đúng quy định pháp luật, không có giá trị pháp lý nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Do đó, Di chúc của cụ S lập ngày 31/1/2007 là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật từ thời điểm mở thừa kế (ngày 15/11/2014). Vì vậy, các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế phần tài sản đã được cụ S định đoạt trong Di chúc là không có cơ sở chấp nhận. Theo đó, ông Đ được thừa hưởng di sản của cụ S là phần đất thửa 443 và thửa 444 diện tích đất còn lại là 866,3m2, diện tích thực tế là 784,8m2 thể hiện tại các H6,H7,H8,H9,H10.

[10] Xét về phần đất thửa 445, diện tích còn lại 361,2m2 thể hiện tại các Hình: H1, H2, H3, trên sơ đồ đạc.

Phần đất trên là của cụ M và cụ S nhưng cụ M chết năm 2004, không để lại di chúc nên cụ S và 05 người con là những người thừa kế theo pháp luật của cụ M. Theo đó, những người này sẽ được thừa kế phần di sản của cụ M trong khối tài sản

chung với cụ S phần diện tích đất. Tuy nhiên, phần diện tích đất này cụ M không có di chúc và không nằm trong di chúc của cụ S. Mặt khác kể từ thời điểm mở thừa kế của cụ M thì cụ S và những người thừa kế khác không có tranh chấp và cũng không thỏa thuận phân chia di sản của cụ M nên phần đất thửa 445 diện tích còn lại 361,2m2 sẽ được chia thừa kế theo pháp luật.

Tại Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

"*1. Thừa kế theo pháp luật được áp dụng trong trường hợp sau đây:*

a) Không có di chúc;

2. Thừa kế theo pháp luật cũng được áp dụng đối với các phần di sản sau đây:

a) Phần di sản không được định đoạt trong di chúc;

…….."

Tại Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

"*1. Những người thừa kế theo pháp luật được quy định theo thứ tự sau đây:*

a) Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ để, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết

…….."

2. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau…"

Trên cơ sở quy định của pháp luật, phần diện tích 361,2m2 thuộc thửa 445 sẽ được chia thừa kế theo pháp luật cho những người trong hàng thừa kế của cụ M và cụ S gồm: ông Thế A (chết, các đồng nguyên đơn là người thừa kế của ông A), ông Đ và bà Cúc A. Cụ thể: phần diện tích 361,2m2 sẽ được chia đều thành 03 phần bằng nhau, ông Đ, bà Cúc A và các nguyên đơn, mỗi bên được nhận phần diện tích 120,4m2. Bà H1 yêu cầu nhận phần đất tại H3, diện tích 120,4m2, trên đất H3, bà H1 và ông Đ thống nhất giao bà H1 quản lý chăm sóc các ngôi mộ trên đất tại H3 nên không xem xét. Hội đồng xét xử xét thấy: hiện nay bà H1 đang sử dụng phần đất ở vị trí H4, bà H1 đồng ý nhận diện tích 120,4m2 vị trí H3, do đó để thuận lợi cho việc sử dụng đất liền kề nhau nên giao cho bà H1 phần đất 120,4m2 ở vị trí H3 và ông Đ phần đất 120,4m2 ở vị trí H2 và bà Cúc A phần đất 120,4m2 ở vị trí H1. Đối với bà Cúc A từ chối nhận di sản và có ý kiến trường hợp chia thừa kế phần bà Cúc A được nhận sẽ cho lại ông Đ quản lý, sử dụng để thờ cúng ông

bà. Đây là sự tự nguyện của bà Cúc A, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao phần đất 120,4m2 ở vị trí H1 cho ông Đ quản lý sử dụng.

[11] Đối với phần đất hai bên không tranh chấp có diện tích 153,6m2 (H4) thửa 445 hai bên không yêu cầu giải quyết nên Hội Đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Đối với phần diện tích đất được chia 120,4m2 (H3) thửa 445, bà H1 không yêu cầu chia cụ thể cho các đồng nguyên đơn, giữa bà H1 và các đồng nguyên đơn sẽ tự thỏa thuận phân chia với nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[13] Đối với căn nhà, tài sản khác và các cây trồng trên đất của cụ M và cụ S hiện do ông Đ đang quản lý, sử dụng, bà H1 không yêu cầu chia thừa kế đồng ý giao cho ông Đ sở hữu nên ông Đ được quyền sở hữu tải sản nhà và các tài sản trên đất.

[14] Ông Võ Thế Đyêu cầu được thừa hưởng toàn bộ di sản theo nội dung Di chúc phần đất diện tích thực đo là 1.299,6m2 (Trong đó: phần đất được cấp quyền sử dụng đất thửa 443, thửa 444 theo Di chúc diện tích 784,8m2 và Phần đất chưa được cấp quyền sử dụng đất thửa 445 không có trong nội dung Di chúc diện tích 361,2m2) là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[15] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Thanh Đ1, Ủy ban nhân dân thành phố S và Phòng công chứng số X tỉnh Đồng Tháp không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[16] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng. Ông Đ và bà Cúc A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng. Tuy nhiên do bà Cúc A đã giao phần tài sản được hưởng cho ông Đ nên ông Đ phải chịu phần án phí mà bà Cúc A phải nộp. Hiện nay ông Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí theo quy định nên miễn toàn bộ án phí cho ông Đ.

[17] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà H1 và các đồng nguyên đơn, ông Đ và bà Cúc A phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định. Tuy nhiên do bà Cúc A đã giao phần tài sản được

hưởng cho ông Đ nên ông Đ phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà bà Cúc A phải nộp.

[18] Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị :

Chấp nhận một phần yêu cầu của các đồng nguyên đơn gồm: bà Võ Thị Huỳnh H1, bà Võ Thị Huỳnh H2, bà Võ Thị Thanh H3, bà Võ Thị Thanh H4, ông Võ Thế H5, ông Võ Thế H6 về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Võ Văn M và cụ Phan Thị S chết để lại là quyền sử dụng đất thuộc thửa 443,444, 445 chia 3 phần bằng nhau cho các đồng thừa kế cụ M và cụ S.

Bác yêu cầu cầu của bà Võ Thị Huỳnh H1, bà Võ Thị Huỳnh H2, bà Võ Thị Thanh H5, bà Võ Thị Thanh H6, ông Võ Thế H3, ông Võ Thế H4 về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Võ Văn Mvà cụ Phan Thị S chết để lại là quyền sử dụng đất thuộc thửa 443, 444, tờ bản đồ số 1.

Ông Võ Thế Đđược hưởng phần đất 784,8m2 và tài sản: nhà cây trồng gắn liền với đất thuộc thửa 443 và thửa 444, tờ bản đồ số 01, tổng cộng diện tích 866,3m2, diện tích thực tế là 784,8m2, thể hiện tại các Hình: H5, H6, H7, H8, H9 và H10 theo sơ đồ đạc đạc bổ sung ngày 29/6/2018, theo di chúc ngày 30/1/2007 của cụ Phan Thị S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa 445, được chia 3 phần: Võ Thế A, Võ Thế Đ , Võ Thị Cúc A mỗi người 120,4m2. Hiện ông Võ Thế A chết các con: Bà H1, bà H2, bà H5, bà H6, ông H3, ông H4được nhận phần của ông Thế A diện tích đất 120,4m2 tại H3.

- Công nhận sự tự nguyện của Bà Võ Thị Cúc A được nhận phần di sản là phần đất diện tích 120,4m2 tại H1 giao lại cho ông Đ quản lý, sử dụng.

- Ông Võ Thế Đ được nhận phần di sản là quyền sử dụng đất diện tích 120,4m2 tại H2 thuộc một phần thửa 445.

Qua ý kiến trên của Viện kiểm sát xét thấy đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157, Điều 165 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 623, 630, 643, 650, 651 và 652 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của các đồng nguyên đơn gồm: bà Võ Thị Huỳnh H1, bà Võ Thị Huỳnh H2, bà Võ Thị Thanh H5, bà Võ Thị Thanh H6, ông Võ Thế H3, ông Võ Thế H4về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Võ Văn M và cụ Phan Thị S chết để lại là phần đất thuộc thửa 445.

2. Chia thừa kế theo pháp luật di sản cụ Phan Thị S chết để lại là quyền sử dụng đất thửa 445, tờ bản đồ số 1, diện tích còn lại 361,2m2 , mục đích sử dụng: T, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp, thể hiện tại các Hình: H1, H2, H3 theo sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 29/6/2018. Cụ thể:

- **Bà Võ Thị Huỳnh H1, bà Võ Thị Huỳnh H2, bà Võ Thị Thanh H5, bà Võ Thị Thanh H6, ông Võ Thế H3, ông Võ Thế H4** được nhận phần di sản là phần đất diện tích 120,4m2 tại H3 thuộc một phần thửa 445, tờ bản đồ số 1.

- **Ông Võ Thế Đ** được nhận phần di sản là phần đất diện tích 120,4m2 tại H2 thuộc một phần thửa 445, tờ bản đồ số 1.

- **Bà Võ Thị Cúc A** được nhận phần di sản là phần đất diện tích 120,4m2 tại H1 thuộc một phần thửa 445 tờ bản đồ số 1. Công nhận sự tự nguyện của bà Cúc A đồng ý giao lại phần đất diện tích 120,4m2 tại H1, tờ bản đồ số 1 cho ông Đ quản lý, sử dụng.

3. Bác yêu cầu của các đồng nguyên đơn gồm: bà Võ Thị Huỳnh H1, bà Võ Thị Huỳnh H2, bà Võ Thị Thanh H5, bà Võ Thị Thanh H6, ông Võ Thế H3, ông Võ Thế H4 về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Võ Văn M và cụ Phan Thị S chết để lại là quyền sử dụng đất thuộc thửa 443 và thửa 444, tổng cộng diện tích 866,3m2, diện tích thực tế là 784,8m2.

4. **Ông Võ Thế Đ** được hưởng phần đất và tài sản: nhà, cây trồng… gắn liền với đất thuộc thửa 443 và thửa 444, tờ bản đồ số 01, tổng cộng diện tích 866,3m2,

diện tích thực tế là 784,8m2, thể hiện tại các Hình: H5, H6, H7, H8, H9 và H10 (Trong đó: Thửa 444, diện tích 365,1m2 thuộc H5, H6, H7 và 01 phần thuộc H8; Thửa 443, diện tích 279,8m2 thuộc H9, H10 và 01 phần thuộc H8) theo sơ đồ đạc đạc bổ sung ngày 29/6/2018 và biên bản định giá tài sản ngày 07/7/2017. Các phần đất tọa lạc tại khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

5. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

***6.* Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- **Bà Võ Thị Huỳnh H1, bà Võ Thị Huỳnh H2, bà Võ Thị Thanh H5, bà Võ Thị Thanh H6, ông Võ Thế H3, ông Võ Thế H4** liên đới nộp **37.284.000đ.** Số tiền tạm ứng án phí bà H1, bà H2, bà H5, bà H6, ông H3, ông H4 đã nộp theo các biên lai: số 13562 ngày 28/4/2017 số tiền 27.987.000đ và biên lai số 0004647 ngày 3/7/2018 số tiền là 9.857.000đ, tổng cộng 37.844.000đ được khấu trừ vào án phí. Sau khi khấu trừ, bà H1, bà H2, bà H5, bà H6, ông H3, ông H4 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại 560.00đ.

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho Ông Võ Thế Đ.

7. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Bà Võ Thị Huỳnh H1, bà Võ Thị Huỳnh H2, bà Võ Thị Thanh H5, bà Võ Thị Thanh H6, ông Võ Thế H3, ông Võ Thế H4 đã tạm ứng nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng **5.174.961đ.**

- Bà Võ Thị Huỳnh H1, bà Võ Thị Huỳnh H2, bà Võ Thị Thanh H5, bà Võ Thị Thanh H6, ông Võ Thế H3, ông Võ Thế H4 chịu **1.725.000đ** chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã nộp xong.

- Ông **Võ Thế Đ**nộp **3.450.000đ** chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để hoàn trả lại cho bà H1, bà H2, bà H5, bà H6, ông H3, ông H4.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Sa Đéc;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THA dân sự Tp. Sa Đéc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (H.A).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn bé Mười